

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Số: 347/BC-KTĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và Quyết định số 843/KH-SKDAHN ngày 16/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội báo cáo kết quả thực hiện công khai theo các nội dung năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.
- Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Academy of Theatre and Cinema.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Khu Văn hóa nghệ thuật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 84.4.37643397
- Fax: 84.4.3834.8732 - 84.4.3764.3397
- Email: skda@fpt.vn; skd@moet.edu.vn
- Website: www.skda.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình cơ sở giáo dục: Đại học công lập.

Hàng Trâu Thị Hạnh

- Cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; quản lý về giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình; thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; quan tâm, thúc đẩy các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; phát huy tinh thần, bản sắc văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

- Tầm nhìn: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các cơ sở đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khu vực châu Á.

- Mục tiêu chiến lược: Xây dựng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 thành Trường trọng điểm của quốc gia về đào tạo các ngành sân khấu, điện ảnh - truyền hình. Có cơ cấu ngành nghề phù hợp, gắn với đòi hỏi của thực tiễn xã hội; hệ thống chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, tiếp cận chuẩn mực quốc tế; phương thức đào tạo đa dạng, huy động được nguồn lực của toàn xã hội; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giỏi, có phẩm chất chính trị, đủ năng lực và tiêu chuẩn tương đương trình độ quốc tế; cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, gắn với đặc thù từng ngành học; quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng; phương pháp quản lý và mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiệu quả, đạt các chuẩn mực khu vực và quốc tế.

- Khẩu hiệu: Chuyên nghiệp, sáng tạo, hun đúc tinh hoa văn hóa Việt Nam.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập ngày 17/12/1980, theo Quyết định số 372/CP của Hội đồng Chính phủ, trên cơ sở sát nhập các ngành thuộc khối nghệ thuật của Trường Điện ảnh Việt Nam và Trường Sân khấu Việt Nam. Năm 1995, trường tiếp nhận thêm hai cơ sở của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) là Viện Sân khấu Việt Nam và Trường Trung cấp Điện ảnh Việt Nam, hình thành hai đơn vị mới là Viện Sân khấu Điện ảnh và Khoa Kinh tế Kỹ thuật Điện ảnh.

Từ năm 1980, bên cạnh việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính do Nhà nước quy định là đào tạo bậc học đại học cho các ngành nghệ thuật sân khấu và điện ảnh, trường còn thực hiện đào tạo các bậc học cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghệ thuật biểu diễn, nghe nhìn và cũng như các ngành kỹ thuật, kinh tế khác trong lĩnh vực nghệ thuật. Trường cũng thực hiện đào tạo theo đặt hàng và đề nghị của các đơn vị

nghệ thuật, các đài phát thanh và truyền hình trong cả nước. Từ năm 2000, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ các ngành: Nghệ thuật sân khấu và Nghệ thuật điện ảnh - truyền hình. Năm 2012, Trường tiếp tục được tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hai ngành: Lý luận và lịch sử sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình.

Với truyền thống cùng kinh nghiệm tích lũy được trong nhiều năm đào tạo các bậc học bằng những loại hình khác nhau, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là nơi đào tạo ra những người hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, lý luận, phê bình nghệ thuật, những người làm kỹ thuật, kinh tế, công nghệ trong các ngành nghệ thuật sân khấu và điện ảnh cũng như truyền hình. Trong đó, có nhiều người được Nhà nước phong danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú.

Trong những năm gần đây, trường nỗ lực cải tiến hệ thống giáo trình, phương pháp giảng dạy cùng các cơ sở vật chất, kỹ thuật khác nhằm nâng cao chất lượng cũng như mở rộng và đa dạng hóa các loại hình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, Trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, rà soát điều chỉnh hệ thống khung chương trình, giáo trình đào tạo một số chuyên ngành theo đúng qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cùng với việc giảng dạy của các nhà chuyên môn đầu ngành, các giảng viên được đào tạo chính quy, bài bản, Nhà trường còn có mối quan hệ với các tổ chức; trường đại học cùng chuyên ngành ở nước ngoài để mời các chuyên gia có uy tín tham gia giảng dạy cho sinh viên. Từ những dự án hợp tác về đào tạo với các trường thuộc các nước Úc, Bỉ, Áo, Đức, Trung Quốc; với các chuyên biểu diễn tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản; hội thảo quốc tế tại Nhật Bản và giao lưu văn hóa quan trọng với Học viện Nghệ thuật Biểu diễn Quốc gia Bỉ; Đại học Wollongong- Úc, Đại học Công nghệ Sydney; Đại học Âm nhạc & Biểu diễn Nghệ thuật Vienna - Áo, đến các chương trình trao đổi học thuật với Đại học Công nghệ Nanyang- Singapore, Nhà trường đã tạo ra những cơ hội học tập, nghiên cứu và thực hành nghệ thuật ở tiêu chuẩn quốc tế.

Trước xu thế hội nhập quốc tế, nhà trường đẩy mạnh các hoạt động giao lưu hợp tác quốc tế để từ đó học tập và chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời tranh thủ cơ hội giới thiệu với đồng nghiệp và bạn bè quốc tế những nét đặc đáo của nền văn hoá Việt Nam, đó cũng là một trong những hoạt động nhằm đóng góp vào sự nghiệp xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Địa chỉ nơi làm việc: Khu Văn hóa Nghệ thuật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

3 *Hanh Tran Thi Hanh*

- Điện thoại: 0913588863; Email: thidinhnguyen@hotmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, định chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tiền thân là Trường Ca kịch Dân tộc được thành lập năm 1959. Đến Ngày 17/12/1980, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 372/CP, thành lập trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trên cơ sở sáp nhập 2 trường Trung cấp Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam và Trường Điện ảnh Việt Nam (đều thành lập năm 1959).

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

- Quyết định số 3326/QĐ-BVHTTDL ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 3345/QĐ-BVHTTDL ngày 13/11/2020 về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

| STT | DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI (NHIỆM KỲ 2020 - 2025) |
|-----|---|
| 1 | Ông Phạm Trí Thành - Chủ tịch Hội đồng trường |
| 2 | Ông Nguyễn Đình Thi - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng |
| 3 | Ông Phạm Đắc Thi - Phó bí thư Đảng ủy, Phó hiệu trưởng |
| 4 | Bà Lại Thị Thanh Bình - Đảng ủy viên, Trưởng khoa Kiến thức cơ bản |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền - Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế |
| 6 | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp |
| 7 | Bà Hoàng Dạ Vũ - Chủ tịch Công đoàn, Phó viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh |
| 8 | Ông Phạm Huy Quang - Đảng ủy viên, Trưởng khoa Truyền hình |
| 9 | Ông Bùi Như Lai - Trưởng khoa Sân khấu |
| 10 | Ông Nguyễn Tiến Đạt - SV lớp DV Kịch-ĐA-TH K39, BTLC Khoa SK, UV BCH Đoàn trường |
| 11 | Bà Phan Linh Chi - Phó vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | |
|----|---|
| 12 | Ông Nguyễn Danh Dương - Nguyên Giám đốc Trung tâm Chiếu phim quốc gia |
| 13 | Ông Nguyễn Xuân Bắc - Giám đốc Nhà hát Kịch Việt Nam |
| 14 | Ông Đỗ Thanh Hải - Phó tổng giám đốc Đài truyền hình Việt Nam |
| 15 | Ông Nguyễn Trung Hiếu - Giám đốc Nhà hát Kịch Hà Nội. |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1788/QĐ-BVHTTDL ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi).

- Quyết định số 2658/QĐ-BVHTTDL ngày 18/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi).

- Quyết định số 09/QĐ-HĐT ngày 14/4/2025 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (TS. Phạm Đắc Thi).

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 02/2/2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (TS. NSƯT. Bùi Như Lai).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* *Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:*

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quyết định số 747/QĐ-SKDAHN ngày 05/11/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

* *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):*

- Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quyết định số 1325/QĐ-SKDAHN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

* *Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*: (Gửi kèm theo).

- Cơ cấu bộ máy và mô hình hoạt động của Trường gồm: 09 khoa chuyên môn, 04 phòng chức năng, 03 trung tâm và 02 đoàn thể; cụ thể như sau:

+ 09 Khoa chuyên môn: Khoa Sân khấu, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Múa, Khoa Truyền hình, Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình, Khoa Nhiếp ảnh, Khoa Thiết kế Mỹ thuật, Khoa Kịch hát dân tộc và Khoa Kiến thức cơ bản,

+ 04 Phòng chức năng: Phòng Hành chính, Tổng hợp; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng Công tác học sinh sinh viên.

+ 3 Trung tâm: Trung tâm Thông tin Thư viện, Trung tâm Ngoại ngữ Tin học, Trung tâm Thực hành Sân khấu Điện ảnh.

+ 02 Đoàn thể: Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch về việc sắp xếp lại các phòng chức năng trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quyết định số 1325/QĐ-SKDAHN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO PHÒNG/ĐƠN VỊ

| TT | Họ và tên | Đơn vị | Chức vụ | Email |
|----|----------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Hồng Hiền | Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT | Trưởng Phòng | nguyenhonghien0110@gmail.com |
| 2 | Trần Thị Thanh Hồng | Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT | Phó Trưởng Phòng | thanhhongskda@gmail.com |
| 3 | Trần Phương Dung | Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT | Phó Trưởng Phòng | tranpdung@gmail.com |
| 4 | Trịnh Thúy Hương | Phòng Khảo thí & DBCLGD | Trưởng Phòng | trinh.thuyhuong81@gmail.com |
| 5 | Trần Thị Vân Ánh | Phòng Khảo thí & DBCLGD | Phó Trưởng Phòng | vananhskda@gmail.com |

| | | | | |
|----|-------------------------|--------------------------------|----------------------------|---|
| 6 | Trần Thị Tuyết Hồng | Phòng Công tác HSSV | Trưởng Phòng | tuyethongpdt.skda@gmail.com |
| 7 | Trần Thị Phương Thúy | Phòng Công tác HSSV | Phó Trưởng Phòng | phuongthuytran291984@gmail.com |
| 8 | Nguyễn Thị Thu Hiền | Phòng Hành chính, Tổng hợp | Trưởng Phòng | nguyenhienskda@gmail.com |
| 9 | Phạm Văn Cường | Phòng Hành chính, Tổng hợp | Phó Trưởng Phòng | cuongskda@gmail.com |
| 10 | Lại Thị Thanh Bình | Khoa Kiến thức cơ bản | Trưởng Khoa | thanhbinh.skda@gmail.com |
| 11 | Nguyễn Mai Hương | Khoa Kiến thức cơ bản | Phó Trưởng Khoa | ngocquyanh@yahoo.com.vn |
| 12 | Dương Thị Thanh Huyền | Khoa Sân khấu | Phó Trưởng Khoa, Phụ trách | khoasankhau2014@gmail.com/ huyengiangduong@gmail.com |
| 13 | Nguyễn Hoài Thành | Khoa Sân khấu | Phó Trưởng Khoa | hoaithanhminhduc@gmail.com/ |
| 14 | Trần Quang Minh | Khoa Nghệ thuật Điện ảnh | Trưởng Khoa | tranquangminh4871@gmail.com |
| 15 | Đặng Thu Hà | Khoa Nghệ thuật Điện ảnh | Phó Trưởng Khoa | hachi8208@gmail.com |
| 16 | Đậu Nhật Minh | Khoa Truyền hình | Phó Trưởng Khoa | minn.jo@gmail.com |
| 17 | Vũ Đình Toán | Khoa Thiết kế Mỹ thuật | Trưởng Khoa | toanvu3dvn@gmail.com |
| 18 | Nguyễn Nguyên Vũ | Khoa Thiết kế Mỹ thuật | Phó Trưởng Khoa | n.nguyen.vu@gmail.com |
| 19 | Phạm Hữu Dực | Khoa Kịch hát dân tộc | Trưởng Khoa | saotrucvietnam.duc@gmail.com |
| 20 | Bùi Thị Hiền | Khoa Kịch hát dân tộc | Phó Trưởng Khoa | thaohien211179@gmail.com |
| 21 | Phan Thị Phương Hiền | Khoa Nhiếp ảnh | Trưởng Khoa | phanhienskda@gmail.com |
| 22 | Hoàng Kim Anh | Khoa Múa | Phó Trưởng Khoa | kimanhanh81.hn@gmail.com |
| 23 | Trần Nguyên Anh | Khoa CN Điện ảnh - Truyền hình | Phó Trưởng Khoa | nguyenanhskda@gmail.com |
| 24 | Trịnh Ngọc Sơn | Khoa CN Điện ảnh - Truyền hình | Phó Trưởng Khoa | sonvfx@gmail.com |
| 25 | Hà Thị Minh Thu | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | Giám đốc | thuskda73@gmail.com |
| 26 | Nguyễn Xuân Khánh | Trung tâm thực hành SK - ĐA | Giám đốc | xuankhanh81@gmail.com |
| 27 | Nguyễn Thị Huyền Nga | Trung tâm thực hành SK - ĐA | Phó Giám đốc | huyennga.opera@gmail.com |
| 28 | Vũ Thanh Hùng | Trung tâm thực hành SK - ĐA | Phó Giám đốc | vuthanhhung2906@gmail.com |
| 29 | Nguyễn Thị Quỳnh Phương | Trung tâm Thông tin, Thư viện | Giám đốc | phuongquynh12a@gmail.com |
| 30 | Hà Phương Thạch | Trung tâm Thông | Phó Giám đốc | thachhavsk@gmail.com |

| | | | | |
|----|---------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------------|
| | | tin, Thư viện | | |
| 31 | Đinh Quang Trung | Viện Sân khấu - Điện ảnh | Viện trưởng | trungskda@gmail.com |
| 32 | Lương Thị Hoàng Thi | Viện Sân khấu - Điện ảnh | Phó Viện trưởng | luonghoangthi1980@gmail.com |
| 33 | Hoàng Dạ Vũ | Viện Sân khấu - Điện ảnh | Phó Viện trưởng | hoangdavu2908@gmail.com |

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: (Có Phụ lục Danh mục văn bản của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội kèm theo).

+
 T.T. Hạnh

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

| TT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo ⁵ (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶ (2023) |
|----|--|------------------------------------|--|
| 1 | Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên | 35,31 | 32,25 |
| 2 | Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động | 95,37 % | 99,1% |
| 3 | Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ | 15,74 % | 13 % |

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

| TT | Đội ngũ giảng viên | Số lượng | Trình độ | | | Chức danh | |
|----|--|----------|----------|---------|---------|-----------|----|
| | | | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ | PGS | GS |
| 1 | Giảng viên toàn thời gian | | 04 | 87 | 17 | 03 | |
| | Lĩnh vực A | | | | | | |
| | Lĩnh vực B | | | | | | |
| | ... | | | | | | |
| 2 | Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động | | 03 | 85 | 15 | 03 | |
| | Lĩnh vực A | | | | | | |
| | Lĩnh vực B | | | | | | |
| | | | | | | | |

+
 T.T. Hạnh

2. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

| TT | Chỉ số | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo (2023) |
|----|--|-----------------------|---|
| 1 | Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ | 18 | 16 |
| 2 | Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ | 56 | 48 |
| 3 | Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian | 74% | 59,3% |

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

| TT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo (2023) |
|----|--|-----------------------|--|
| 1 | Diện tích đất/người học (m ²) | 5,69 | 6,18 |
| 2 | Diện tích sàn/người học (m ²) | 7,85 | 8,52 |
| 3 | Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt | 74,1% | 74,1% |
| 4 | Số đầu sách/ngành đào tạo | 762,84 | 762,84 |
| 5 | Số bản sách/người học | 527,2 | 527,2 |
| 6 | Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến | 62,4% | 62,4% |
| 7 | Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps) | 125 | 125 |

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

| TT | Địa điểm | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Diện tích sàn (m ²) |
|----|--------------|--|------------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Trụ sở chính | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 20610 | |
| 2 | Tòa A1 | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 4298 | 3008.6 |
| 3 | Tòa A2 | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 10000 | 7000 |

| | | | | |
|------------------|--------|--|--------------|----------------|
| 4 | Tòa A3 | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 1332 | 932.4 |
| 5 | Tòa C1 | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 520 | 364 |
| 6 | Tòa C2 | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 490 | 343 |
| 7 | Tòa D | Khu văn hóa nghệ thuật, phường mai dịch, quận cầu giấy, hà nội | 1419 | 993.3 |
| Tổng cộng | | | 18059 | 12641,3 |

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

| TT | Hạng mục đầu tư | Địa điểm ¹¹ | Kinh phí (triệu đồng) |
|------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------|
| 1 | Xây mới tòa nhà... | 0 | 0 |
| 2 | Nâng cấp tòa nhà... | 0 | 0 |
| 3 | Đầu tư mới phòng thí nghiệm... | 0 | 0 |
| 4 | Nâng cấp phòng thí nghiệm... | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | | 0 |

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tổ chức kiểm định: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 05/9/2017 đến ngày 05/9/2022.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

| TT | Mã ngành | Tên ngành | Tên chương trình | Tên tổ chức kiểm định | Thời gian hiệu lực |
|----|----------|-----------|------------------|-----------------------|--------------------|
| 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

| TT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo (2023) |
|----|--|-----------------------|---|
| 1 | Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm | 76,7% | 84,2% |
| 2 | Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm | 5,4% | 17,25% |
| 3 | Tỉ lệ thôi học | 0,82% | 0,82% |
| 4 | Tỉ lệ thôi học năm đầu | 3,7% | 4,3% |
| 5 | Tỉ lệ tốt nghiệp | 71,8% | 76,47% |
| 6 | Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn | 68,4% | 62,75% |
| 7 | Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên | 94,9% | 94% |
| 8 | Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể | 98% | 98% |
| 9 | Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn | 92,5% | 94% |

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2024

| TT | Số lượng người học | Đang học | Tuyển mới | Tốt nghiệp | Tỷ lệ việc làm ¹³ |
|-----|--|----------|-----------|------------|------------------------------|
| I | Đại học | | | | |
| 1 | Lĩnh vực 1 | | | | |
| | Chính quy | 1495 | 442 | 291 | 92,5% |
| | Vừa làm vừa học | 212 | 85 | 45 | 100% |
| | Đào tạo từ xa | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Lĩnh vực 2 | | | | |
| ... | ... | | | | |
| II | Thạc sĩ (và trình độ tương đương) | 141 | 43 | 17 | 100% |
| 1 | Lĩnh vực 1 | | | | |
| 2 | Lĩnh vực 2 | | | | |
| ... | ... | | | | |
| III | Tiến sĩ | | | | |
| 1 | Lĩnh vực 1 | 15 | 06 | 01 | 100% |
| 2 | Lĩnh vực 2 | | | | |
| ... | ... | | | | |

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

| TT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kè năm báo cáo (2023) |
|----|------------------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ | 0% | 0% |
| 2 | Số công bố khoa học/giảng viên | 1% | 1.2% |
| 3 | Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên | 0.2% | 0.1% |

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2024

| TT | Đề tài nghiên cứu khoa học | Số lượng | Kinh phí thực hiện trong năm |
|----|--|-----------|---------------------------------|
| 1 | Đề tài cấp Nhà nước | | |
| 2 | Đề tài cấp bộ, tỉnh | | |
| 3 | Đề tài cấp cơ sở | 26 | 811.600.000đ |
| 4 | Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước) | 0 | 0 |
| 5 | Đề tài hợp tác quốc tế | 0 | 0 |
| | Tổng số: | 26 | 811.600.000đ |

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

| TT | Công trình công bố | Năm báo cáo 2024 | Năm trước liền kè năm báo cáo (2023) |
|----|---|---------------------|--|
| 1 | Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích | 50 | 37 |
| 2 | Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực | 2 | 0 |
| 3 | Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế | 9 | 11 |
| 4 | Tổng số bằng độc quyền sáng chế | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích | 0 | 0 |

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

| TT | Chỉ số đánh giá | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo (2023) |
|----|------------------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Biên độ hoạt động trung bình 3 năm | 14,81% | 14,94% |
| 2 | Chỉ số tăng trưởng bền vững | 12,79% | 13,08 |

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

| TT | Chỉ số thống kê | Năm báo cáo (2024) | Năm trước liền kề năm báo cáo (2023) |
|-----|--|--------------------|--------------------------------------|
| A | TỔNG THU HOẠT ĐỘNG | | |
| I | Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư | | |
| II | Thu giáo dục và đào tạo | | |
| 1 | Học phí, lệ phí từ người học | 22.67 | 19 |
| 2 | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN | 0 | 0 |
| 3 | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài | 0 | 0 |
| 4 | Thu khác | 5.2 | 2.9 |
| III | Thu khoa học và công nghệ | 0 | 0 |
| 1 | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN | 0 | 0 |
| 2 | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài | 0 | 0 |
| 3 | Thu khác | 0 | 0 |
| IV | Thu khác (thu nhập ròng) | 0 | 0 |
| B | TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG | | |
| I | Chi lương, thu nhập | 24.08 | 19.93 |
| 1 | Chi lương, thu nhập của giảng viên | 15.43 | 12.98 |
| 2 | Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác | 8.65 | 6.95 |

| | | | |
|------------|--------------------------------------|---------------|---------------|
| II | Chi cơ sở vật chất và dịch vụ | 13.005 | 12.261 |
| 1 | Chi cho đào tạo | 12.13 | 11.55 |
| 2 | Chi cho nghiên cứu | 0.844 | 0.622 |
| 3 | Chi cho phát triển đội ngũ | 0.031 | 0.089 |
| 4 | Chi phí chung và chi khác | 0 | 0 |
| III | Chi hỗ trợ người học | 3.31 | 4.1 |
| 1 | Chi học bổng và hỗ trợ học tập | 3.31 | 4.1 |
| 2 | Chi hoạt động nghiên cứu | 0 | 0 |
| 3 | Chi hoạt động khác | 0 | 0 |
| IV | Chi khác | 3.39 | 2.7 |
| C | CHÊNH LỆCH THU CHI | 9.57 | 5.41 |

Trên đây là Báo cáo Thường niên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2025. Nhà trường trân trọng báo cáo./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Hội đồng Trường (để biết);
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

PHỤ LỤC

Danh mục văn bản của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (Kèm theo Báo cáo số 347 /BC-SKDAHN ngày 26 / 6 /2025 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

| TT | Số/ngày tháng ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu nội dung |
|----|--|---------------------------|--|
| 1 | Quyết định số 780/QĐ-SKDAHN ngày 23/08/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030. |
| 2 | Quyết định số 1002/QĐ-SKDAHN ngày 14/10/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Tổ biên tập Chiến lược phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030. |
| 3 | Quyết định số 1121/QĐ-SKDAHN ngày 22/11/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021- 2026, tầm nhìn đến năm 2030. |
| 4 | Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12/08/2021 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 5 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 6 | Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 26/2/2021 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 7 | Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 26/2/2021 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | về việc bổ nhiệm Thủ ký Hội đồng trường. |
| 8 | Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | về việc phân công, công nhận Thường trực Hội đồng trường. |
| 9 | Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 16/5/2022 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám sát Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 10 | Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 17/5/2022 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | thành lập các Ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng trường Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 11 | Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 20/5/2022 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 12 | Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 01/8/2022 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | về việc phê duyệt “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu và triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”. |

| | | | |
|----|--|---------------------------|---|
| 13 | Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 24/11/2023 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 14 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 25/3/2024 | Hội đồng Trường ĐHSK-DAHN | về việc phê duyệt và ban hành Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 15 | Nghị quyết số 27/NQ-ĐU ngày 10/9/2019 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | về Lãnh đạo nhiệm vụ năm học 2019-2020. |
| 16 | Nghị quyết số 16/NQ-ĐU ngày 05/10/2021 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | về Lãnh đạo nhiệm vụ năm học 2021-2022. |
| 17 | Nghị quyết số 36/NQ-ĐU ngày 05/9/2022 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | về Lãnh đạo nhiệm vụ năm học 2022-2023. |
| 18 | Nghị quyết số 16/NQ-SKDAHN ngày 10/01/2024 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | về Hội nghị viên chức, người lao động năm 2023 Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 19 | Quyết định số 35/QĐ-ĐU ngày 23/10/2019 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Ban Giám hiệu, các đơn vị đoàn thể Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 20 | Quyết định số 07/QĐ-ĐU ngày 17/7/2020 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. |
| 21 | Quyết định số 08/QĐ-ĐU ngày 29/7/2020 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. |
| 22 | Quyết định số 24/QĐ-ĐU ngày 25/6/2024 | Đảng ủy Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế phối hợp giữa cấp ủy, Hội đồng trường, Hiệu trưởng Nhà trường của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. |
| 23 | Quyết định số 369/QĐ-SKDAHN ngày 15/4/2024 | Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 24 | Quyết định số 1103/QĐ-SKDAHN ngày 15/10/2024 | Trường ĐHSK-DAHN | thành lập Ban kiểm kê năm 2024. |
| 25 | Quyết định số 4965/QĐ-SKDAHN ngày 28/12/2018 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 26 | Quyết định số 706/QĐ- | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập ban soạn thảo Hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường |

| | | | |
|----|--|--------------------------|--|
| | SKĐAHN ngày 16/7/2022 | | Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 27 | Quyết định số 1325/QĐ-SKĐAHN ngày 31/12/2021 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành quy định Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận tổ chức cán bộ. |
| 28 | Quyết định số 975/QĐ-SKĐAHN ngày 27/9/2022 | Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Quy định về nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn đối với viên chức Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 29 | Quyết định số 126/QĐ-SKĐAHN ngày 18/02/2025 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc tạm giao số lượng người làm việc tại các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2025. |
| 30 | Kế hoạch số 07/KH-SKĐHN ngày 06/1/2020 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về Phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2020-2025. |
| 31 | Quy chế số 15A/QC-ĐU ngày 01/10/2021 | Đảng ủy Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Quy chế thu chi tài chính của Đảng bộ Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025. |
| 32 | Quyết định số 36/QĐ-SKĐAHN ngày 05/01/2017 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. |
| 33 | Quyết định số 1188/QĐ-SKĐAHN ngày 29/11/2021 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn. |
| 34 | Quyết định số 100/QĐ-SKĐAHN ngày 20/01/2025 | Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng định kỳ hàng năm của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 35 | Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2014 | Trường ĐHSK-ĐAHN | Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014-2020. |
| 36 | Quyết định số 419/QĐ-BVHTTDL ngày 17/5/2022 | Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Khung năng lực giảng viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 37 | Quyết định số 122/QĐ-SKĐAHN ngày 27/11/2022 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành “Quy định về Nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”. |
| 38 | Quyết định số 266/QĐ-SKĐAHN ngày 17/3/2020 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 39 | Quyết định số 1455/QĐ-SKĐAHN ngày | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |

| | | | |
|----|--|------------------|---|
| | 31/12/2024 | | |
| 40 | Quyết định số 994/QĐ-SKDAHN ngày 23/9/2024 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành Quy chế xây dựng môi trường văn hóa Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 41 | Thông báo số 495/TB-SKDHN ngày 11/11/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc Tuyển dụng viên chức năm 2021 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 42 | Thông báo số 305/TB-SKDHN ngày 29/6/2022 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc Công nhận kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức năm 2021 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 43 | Quyết định số 1234/QĐ-SKDAHN ngày 13/12/2023 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành “Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”; |
| 44 | Quyết định số 985/QĐ-SKDAHN ngày 13/10/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức người lao động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”; |
| 45 | Quyết định số 245/QĐ-SKDAHN ngày 17/5/2022 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành “Khung tham chiếu các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”; |
| 46 | Quyết định số 540/QĐ-SKDAHN ngày 26/5/2025 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành “Hướng dẫn triển khai, tập hợp số liệu và lập các báo cáo thống kê về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”. |
| 47 | Quyết định số 1077/QĐ-SKDAHN, Hà Nội ngày 15/10/2019 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Ban Quản trị Trang Thông tin điện tử. |
| 48 | Quyết định số 906/QĐ-SKDAHN, Hà Nội ngày 29/9/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 49 | Quyết định số 597/QĐ-SKDAHN ngày 30/6/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | quy định về Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 50 | Quyết định số 1003/QĐ-SKDAHN ngày 20/10/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Mạng lưới Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 51 | Quyết định số 1250/QĐ-SKDAHN ngày 24/10/2016 | Trường ĐHSK-DAHN | phê duyệt "Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2026 - 2020, tầm nhìn 2030". |
| 52 | Quyết định số 1121/QĐ-SKDAHN ngày 22/11/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2021-2026. |

| | | | |
|----|--|------------------|---|
| 53 | Quyết định số 417/QĐ-SKDAHN ngày 17/5/2020 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 54 | Quyết định số 948/QĐ-SKDAHN ngày 14/9/2022 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, Nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá cơ sở giáo dục năm 2022. |
| 55 | Quyết định số 705/QĐ-SKDAHN ngày 26/6/2020 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch - Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 56 | Quyết định số 706/QĐ-SKDAHN ngày 26/6/2020 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 57 | Quyết định số 707/QĐ-SKDAHN ngày 26/6/2020 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 58 | Kế hoạch số 297/KH-SKDAHN ngày 09/7/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về Tự đánh giá Chất lượng cơ sở giáo dục đại học tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 59 | Kế hoạch số 198/KH-SKĐHN ngày 05/5/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về thực hiện kế hoạch hành động cải tiến chất lượng sau tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Sân khấu, Khoa Thiết kế mỹ thuật. |
| 60 | Kế hoạch số 199/KH-SKDAHN ngày 05/5/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về cải tiến chất lượng sau tự đánh giá CTĐT của 03 khoa. |
| 61 | Kế hoạch số 214/KH-SKDAHN ngày 19/4/2024 | Trường ĐHSK-DAHN | triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2023” của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 62 | Quyết định số 148/QĐ-SKDAHN ngày 19/2/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | ban hành quy định về công tác Khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 63 | Quyết định số 1041/QĐ-SKDAHN ngày 29/10/2021 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành Quy trình thanh tra, kiểm tra nội bộ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 64 | Quyết định số 425/QĐ-SKDAHN ngày 17/5/2022 | Trường ĐHSK-DAHN | ban hành “Khung tham chiếu các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội”. |
| 65 | Quyết định số 521/QĐ-SKDAHN ngày 26/5/2023 | Trường ĐHSK-DAHN | về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |

| | | | |
|-----------|--|------------------|---|
| 66 | Quyết định số 597/QĐ-SKDAHN ngày 30/6/2021 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 67 | Quyết định số 810/QĐ-SKDAHN ngày 21/8/2023 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 68 | Quyết định số 878/QĐ-SKDAHN ngày 28/8/2023 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc ban hành Quy định bảo mật và an toàn thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 69 | Quyết định số 843/QĐ-SKDAHN ngày 16/8/2024 | Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 70 | Quyết định số 868/QĐ-SKDAHN ngày 26/8/2024 | Trường ĐHSK-ĐAHN | về việc thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 71 | Quyết định số 1031/QĐ-SKDAHN ngày 30/9/2024 | Trường ĐHSK-ĐAHN | ban hành Quy định đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 72 | Quyết định số 1148/QĐ-SKDAHN ngày 06/11/2024 | Trường ĐHSK-ĐAHN | thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |
| 73 | Quyết định số 1205/QĐ-SKDAHN ngày 11/11/2024 | Trường ĐHSK-ĐAHN | quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. |

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

